

*
Số 250 -BC/HU

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Phát triển huyện Đức Trọng trở thành thị xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Phát triển huyện Đức Trọng trở thành thị xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”. Ban Thường vụ Huyện ủy Đức Trọng báo cáo tình hình kết quả triển khai thực hiện đến hết tháng 02/2023 như sau:

I. CÔNG TÁC QUÁN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT:

Ngày 12/11/2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU về “Phát triển huyện Đức Trọng trở thành thị xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”, ngay sau đó vào quý I/2022 Ban Thường vụ Huyện ủy Đức Trọng đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Tỉnh ủy Lâm Đồng và Kế hoạch số 3316/KH-UBND ngày 13/5/2022 của UBND tỉnh đến các tổ chức cơ sở Đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức, đồng thuận cao trong xã hội về quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, các giải pháp thực hiện.

Ngày 06/01/2022, Ban Thường vụ Huyện ủy Đức Trọng ban hành Quyết định số 323-QĐ/HU về “Kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng huyện Đức Trọng thành đô thị loại 4 và thị xã”; thường xuyên họp Ban chỉ đạo theo định kỳ để nắm bắt tiến độ thực hiện và chỉ đạo rà soát thực hiện cụ thể các tiêu chí; đồng thời ban hành Chương trình số 28-CTr/HU ngày 23/3/2022 của Huyện ủy Đức Trọng về “Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phát triển huyện Đức Trọng trở thành thị xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 và tầm nhìn đến 2045”.

Chỉ đạo UBND huyện Đức Trọng xây dựng Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 20/6/2022 của UBND huyện về “Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) về phát triển huyện Đức Trọng trở thành thị xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”; Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 04/11/2023 về “sắp xếp, sát nhập, thành lập mới đơn vị hành chính đô thị huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng”.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT:

1. Về quy hoạch, phát triển đô thị:

- Lập, hoàn thành hồ sơ quy hoạch chung đô thị Đức Trọng đến năm 2035 đảm bảo phù hợp với Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, theo văn bản số 2139/BXD-QHKT ngày 15/6/2022 của Bộ Xây dựng thì thẩm quyền phê duyệt thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Do đó ngày 21/7/2022, UBND tỉnh có Tờ trình số 5387/TTr-UBND về việc “xin chấp thuận chủ trương tổ chức lập quy hoạch chung đô thị Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035”. Ngày 20/9/2022, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 4232/BXD-QHKT về việc “chủ trương tổ chức lập quy hoạch chung đô thị Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng” gửi Thủ tướng Chính phủ.

- Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7629/VPCP-CN về việc đề nghị chấp thuận chủ trương nghiên cứu, chủ trương lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị và giao địa phương chủ trì tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị. Theo đó Văn phòng Chính phủ có ý kiến: “*Pháp luật Việt Nam không có quy định cụ thể về thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc cho chủ trương nghiên cứu hoặc chủ trương lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị... Bộ xây dựng chịu trách nhiệm tổng hợp các đề nghị, hướng dẫn địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật...*”.

- Hiện nay, UBND tỉnh đã giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với UBND huyện chủ động liên hệ với Bộ Xây dựng để được hướng dẫn trình tự thủ tục tổ chức triển khai lập quy hoạch chung đô thị Đức Trọng đến năm 2035 tại văn bản số 8739/UBND-QH ngày 15/11/2022 v/v tổ chức lập quy hoạch chung đô thị Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035, theo đó giao Sở Xây dựng chủ trì thực hiện, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15/12/2022; Ngày 11/01/2023, Sở Xây dựng đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Tờ trình số 299/TTr-UBND v/v ủy quyền tổ chức lập quy hoạch chung đô thị Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2040 gửi Bộ Xây dựng, theo đó UBND tỉnh trình Bộ xây dựng ủy quyền cho UBND tỉnh tổ chức lập quy hoạch chung đô thị Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2040. Đến nay Bộ Xây dựng chưa có ý kiến về nội dung trên.

2. Phát triển về kinh tế và nguồn lực đầu tư để đạt tiêu chí đô thị loại III và thị xã.

2.1. Về phát triển kinh tế

Tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương, của Tỉnh và các Chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư xây dựng các công trình quan trọng về hạ tầng giao thông, đô thị trên địa bàn huyện với tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2022 được giải ngân là 540/562 tỷ đồng.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện năm 2022 là 1.481.912 triệu đồng; so với dự toán giao đạt 122% và bằng 135% so cùng kỳ năm trước.

Chủ động phối hợp triển khai có hiệu quả các công trình, dự án của Trung ương và tỉnh đầu tư trên địa bàn huyện như: Đường Cao tốc Dầu Giây – Liên Khương, Dự án du lịch Sài Gòn Đại Ninh, Khu công nghiệp Phú Bình, Khu đô thị

Liên Khương – Prenn, Khu đô thị Nam sông Đa Nhim, Hồ chứa nước Ta Hoét (thôn Định An, xã Hiệp An), đầu tư nâng cấp Quốc lộ 27 và Quốc lộ 28B...

Tiếp tục tập trung phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ; các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, có giá trị gia tăng lớn; phát triển hạ tầng dịch vụ đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp; nâng cấp hệ thống chợ truyền thống, các siêu thị, cửa hàng tiện lợi. Phát triển sản phẩm, loại hình du lịch có chất lượng gắn với phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hoá; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển thương mại với phát triển du lịch, phát triển sản phẩm OCOP địa phương. Thu hút đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại, hệ thống kho hàng, logistic, khách sạn, nhà hàng, văn hóa, thể thao, khu vui chơi, giải trí. Thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý chợ và xã hội hóa hoạt động kinh doanh, khai thác chợ.

Phát triển ngành công nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường, có lợi thế về tài nguyên như: sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, cơ khí nông nghiệp, năng lượng tái tạo.

2.2. Tập trung nguồn lực đầu tư các công trình trọng điểm

Tập trung các nguồn lực từ ngân sách Nhà nước và thu hút đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025,

Đến nay, các dự án, công trình đã tiến hành khởi công như: Hồ chứa nước Ta Hoét, Công trình Nhà thiếu nhi huyện Đức Trọng, Công trình điện chiếu sáng, vỉa hè dọc Quốc lộ 20 đoạn qua xã Hiệp An, Ninh Gia, Đề án xây dựng các công viên trên địa bàn các xã thuộc huyện. Nhiều dự án, công trình đã được phê duyệt chủ trương đầu tư: Đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương: Đoạn Bảo Lộc - Liên Khương, Khu đô thị Nam sông Đa Nhim, Dự án Cải tạo, nâng cấp QL.27 (đoạn Km0 – Km174 thuộc tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Lâm Đồng), Dự án Cải tạo, nâng cấp QL.28B (đoạn Km0-Km69 thuộc tỉnh Bình Thuận và tỉnh Lâm Đồng), Dự án khu Trung tâm hành chính gắn với quảng trường trung tâm huyện; Dự án Bệnh viện Đa khoa chất lượng cao và các Dự án khác đang trong quá trình lập các hồ sơ, thủ tục để trình phê duyệt chủ trương đầu tư.

Huyện Đức Trọng đã tiến hành rà soát, đăng ký danh mục kêu gọi đầu tư trên địa bàn huyện trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt danh mục kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021-2025 (huyện Đức Trọng có 18 dự án) làm cơ sở tiến hành kêu gọi thu hút đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách.

3. Kết quả rà soát đánh giá các tiêu chí so với đô thị loại IV và thị xã

(Theo phụ lục đính kèm)

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC:

Thời gian qua Đảng bộ huyện Đức Trọng đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*Phát triển huyện Đức Trọng trở thành thị xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*”; tuy nhiên, qua hơn 01 năm

triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm theo quan điểm, mục tiêu; nhất là chỉ tiêu cụ thể của giai đoạn 2021-2025 chưa đảm bảo thời gian yêu cầu do một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Quy hoạch chung đô thị Đức Trọng đến năm 2035: chưa có ý kiến của Bộ Xây dựng về thẩm quyền lập quy hoạch và hướng dẫn về trình tự thủ tục tổ chức triển khai lập quy hoạch chung đô thị Đức Trọng đến năm 2035.

- Quy hoạch chung xây dựng đô thị Liên Nghĩa (mở rộng) huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035: chưa có chủ trương cho chỉ định thầu tư vấn lập Đồ án.

- Chương trình phát triển đô thị chưa được phê duyệt nhiệm vụ và dự toán do chưa có quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc đô thị chưa được phê duyệt, Đề án phân loại đô thị loại IV chưa có chủ trương điều chỉnh.

- Việc rà soát đánh giá các tiêu chí đô thị loại 4 và thị xã có thay đổi do Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 về sửa đổi Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 về sửa đổi Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn, phân loại đơn vị hành chính (có hiệu lực từ 01/01/2023) có nhiều thay đổi.

- Hiện nay quy hoạch chung đô thị thị trấn Liên Nghĩa (mở rộng); quy hoạch chung đô thị Đức Trọng chưa được phê duyệt để làm cơ sở kêu gọi nhà đầu tư quan tâm thực hiện các dự án, công trình trọng điểm.

Những khó khăn, vướng mắc nêu trên nằm ngoài thẩm quyền nhiệm vụ của cấp huyện.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI:

- Về Quy hoạch chung đô thị Đức Trọng đến năm 2035: Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, kiến nghị Bộ Xây dựng sớm có ý kiến về nội dung tại Tờ trình số 299/TTr-UBND và hướng dẫn về trình tự thủ tục tổ chức triển khai lập quy hoạch chung đô thị Đức Trọng đến năm 2035.

- Về Quy hoạch chung xây dựng đô thị Liên Nghĩa (mở rộng) huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035: Ngày 14/12/2022 UBND huyện có báo cáo số 624/BC-UBND v/v đề xuất chủ trương cho chỉ định thầu tư vấn lập Đồ án Quy hoạch chung đô thị Liên Nghĩa (mở rộng), huyện Đức Trọng đến năm 2035; UBND tỉnh đã giao Sở Kế hoạch Đầu tư tham mưu giải quyết. Thời gian tới chỉ đạo UBND huyện tiếp tục liên hệ, đôn đốc Sở Kế hoạch Đầu tư sớm báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét thống nhất cho chủ trương chỉ định thầu tư vấn lập Đồ án Quy hoạch chung đô thị Liên Nghĩa (mở rộng), huyện Đức Trọng đến năm 2035 để triển khai lập đồ án.

- Lựa chọn các đơn vị tư vấn có đủ năng lực, thực hiện thiết kế các đồ án quy hoạch đạt chất lượng tốt, có tầm nhìn đảm bảo phát triển đô thị bền vững, là cơ sở để thu hút đầu tư xây dựng. Hoàn thiện đồ án quy hoạch chung đô thị Đức Trọng đến năm 2035 sau khi có ý kiến của Bộ Xây dựng, quy hoạch vùng huyện nông thôn mới, quy hoạch chi tiết đô thị mới Nam sông Đa nhim.

- Rà soát, cập nhật, điều chỉnh, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh các quy hoạch chi tiết trên địa bàn, đảm bảo đồng bộ giữa các quy hoạch phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của huyện. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng kiểm tra sớm phát hiện, có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời vi phạm trong hoạt động quy hoạch đô thị, trật tự đô thị.

- Thực hiện công bố công khai và tổ chức cắm mốc ngoài thực địa các quy hoạch sau khi được phê duyệt để các tổ chức, cá nhân nắm được quy hoạch về sử dụng đất, quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, quy hoạch phát triển đô thị để các doanh nghiệp, nhà đầu tư nghiên cứu, khảo sát, đầu tư, kinh doanh.

- Tập trung các nguồn lực từ ngân sách Nhà nước và thu hút đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025, hoàn thành các tiêu chí để xây dựng huyện Đức Trọng thành Thị xã, đạt tiêu chí đô thị IV, III và thị xã.

- Xây dựng đề án huyện Đức Trọng đạt tiêu chí đô thị loại IV trình Bộ Xây dựng thẩm định.

- Tăng cường quan tâm đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, xây dựng kế hoạch cụ thể về lộ trình và triển khai có hiệu quả các giải pháp thực hiện đạt các tiêu chí đô thị loại III, nhất là các tiêu chí khó thực hiện như: Cơ sở hạ tầng giao thông, kiến trúc cảnh quan đô thị, tiêu chí vệ sinh môi trường; mật độ dân số, diện tích sàn nhà ở bình quân, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, tỷ lệ nước thải được xử lý. Tập trung đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, cải tạo hoàn thiện hệ thống chiếu sáng công cộng khu vực nội thị, ngoại thị và các trục đường chính. Chính trang đô thị hiện có và hình thành một số điểm nhấn trong phát triển đô thị, phát triển không gian kiến trúc xanh, nhà phố theo kiểu mẫu, thân thiện với môi trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch và cung cấp thông tin quy hoạch gắn với chuyển đổi số. Thường xuyên cập nhật thông tin quy hoạch phục vụ quản lý hiệu quả.

- Tập trung rà soát, đánh giá các tiêu chí đô thị loại IV, III để đầu tư xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng đồng bộ, trong đó tập trung đầu tư các tiêu chí chưa đạt về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường, kiến trúc cảnh quan đô thị.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể trong việc Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*Phát triển huyện Đức Trọng trở thành thị xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*”. Ban Thường vụ Huyện ủy Đức Trọng kính đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, lãnh đạo, chỉ đạo một số nội dung như sau:

- Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng huyện Đức Trọng thành đô thị loại IV và thị xã cấp Tỉnh.

- Chỉ đạo UBND tỉnh sớm phê duyệt chủ trương cho UBND huyện Đức Trọng xây dựng Đề án thành lập thị xã Đức Trọng và các phường thuộc thị xã Đức Trọng.

- Chỉ đạo UBND tỉnh kiến nghị Bộ Xây dựng sớm có ý kiến về nội dung tại Tờ trình số 299/TTr-UBND và hướng dẫn về trình tự thủ tục tổ chức triển khai lập quy hoạch chung đô thị Đức Trọng đến năm 2035.

- Chỉ đạo UBND tỉnh tiếp tục ưu tiên các nguồn lực từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm cao hơn bình quân chung trong tỉnh để đầu tư hoàn thành các danh mục công trình hạ tầng đô thị đạt tiêu chí đô thị loại IV, III và thị xã theo Nghị quyết đề ra.

- Chỉ đạo UBND tỉnh, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch tỉnh và các sở ngành liên quan hỗ trợ UBND huyện trong công tác xúc tiến thương mại, đầu tư, lựa chọn các nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm, uy tín để triển khai các dự án, công trình từ nguồn vốn ngoài ngân sách.

Trên đây là báo cáo của Ban Thường vụ Huyện ủy Đức Trọng về tình hình kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*Phát triển huyện Đức Trọng trở thành thị xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*”. Kính đề nghị Tỉnh ủy Lâm Đồng xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh Lâm Đồng,
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- TT. HU, HĐND, UBND huyện,
- Các đc UVBTVHU (khóa XIII)
- Lưu: VPHU, CVVP.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Lê Hồng Khánh



TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI ĐỘ THỊ ĐỨC TRỌNG
THEO CÁC TIÊU CHUẨN CỦA ĐỘ THỊ LOẠI IV
(Định kèm báo cáo số 250-BC/HU ngày 18/3/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

STT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu		Điểm quy định	Đánh giá		Ghi chú
		Đơn vị	Quy định		Hiện trạng đạt	Điểm	
I	Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội			13,5-18		17,75	
1	Vị trí, chức năng, vai trò	Là trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ cấp tỉnh, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh			Là trung tâm chính trị - hành chính cấp huyện; Là đô thị tổng hợp, chia sẻ chức năng với thành phố Đà Lạt; cửa ngõ giao thương quốc tế của vùng và quốc gia, trung tâm công nghiệp cao và khu phi thuế quan cấp vùng, dịch vụ du lịch gắn kết với khu du lịch sinh thái hồ Đại Ninh.	5	
2	Kinh tế - xã hội			9,75-13		12,75	
2.1	Cần đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Dư - dư	1,5 - 2	Cần đối dư	2	
2.2	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với cả nước	lần	0,7 - \geq 1,05	1,5 - 2	1,6	2	

2.3	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Tăng vượt mục tiêu đề ra từ 4%		2	10%	2	
		Tăng theo mục tiêu đề ra		1			
2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	7,0- ≥ 8,0	1,5 - 2	8,5	2	
2.5	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước	(lần)	1,15- ≥ 1,5	1,5 - 2	1,68	2	
2.6	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	5 - ≤ 4	1,5 - 2	0,24	2	
2.7	Tỷ lệ tăng dân số	%	1- ≥ 1,4	0,75 - 1	1,3	0,75	
II	Tiêu chí 2. Quy mô dân số			6-8		8	
1	Dân số toàn đô thị	1.000 người	50 - ≥ 100	1,5 - 2	248.906	2	
2	Dân số khu vực nội thành, nội thị	1.000 người	20 - ≥ 100	4,5 - 6	200.000	6	
III	Tiêu chí 3. Mật độ dân số			6-8		4,5	
1	Mật độ dân số toàn đô thị	Người/km ²	1.200- ≥ 1.400	1,5 - 2	512,36	0	
2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	Người/km ²	4000- ≥ 6000	4,5 - 6	4.000	4,5	
IV	Tiêu chí 4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp			4,5-6		5	
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	%	55 - ≥ 65	1 - 1,5	70,98	1,5	

2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp Khu vực nội thành, nội thị	%	70- ≥ 80	3,5 - 4,5	75,3	3,5	
V	Tiêu chí 5. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị			45-60		51,25	
V.1	Về hạ tầng xã hội			7,5-10		8,5	
a	các tiêu chuẩn về Nhà ở			1,5-2		1,75	
1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ² sản/ người	28 - ≥ 32	0,75 - 1	29,5	0,75	
2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố	%	85 - ≥ 90	0,75 - 1	95,89	1	
b	Các tiêu chuẩn về công trình công cộng			6-8		6,75	
1	Đất dân dụng bình quân đầu người	m ² /người	50 - 80	0,75 - 1	146,55	1	
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng đô thị bình quân đầu người	m ² /người	3,0 - ≥ 4	0,75 - 1	12,37	1	
3	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m ² /người	1,0 - ≥ 1,5	0,75 - 1	4,75	1	
4	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân	Giường/ 10.000 dân	25 - ≥ 30	0,75 - 1	7,5	0	
5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	Cơ sở	2 - ≥ 5	0,75 - 1	7	1	
6	Công trình văn hóa cấp đô thị	Công trình	2 - ≥ 4	0,75 - 1	3	0,75	

7	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị	Công trình	2 - ≥ 3	0,75 - 1	8	1	
8	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	Công trình	2 - ≥ 4	0,75 - 1	7	1	
V.2	Về hạ tầng kỹ thuật						
a	Các tiêu chuẩn về giao thông						
1	Công trình đầu mối giao thông	Cấp	vùng liên huyện	0,75 - 1	Vùng tỉnh	1	
2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	%	12 - ≥ 17	0,75 - 1	7,7	0	
3	Mật độ đường giao thông đô thị	Km/Km ²	5,0 - ≥ 6,0	1,5 - 2	5,4	1,5	
4	Diện tích đất giao thông bình quân đầu người	m ² / người	7 - ≥ 9	0,75 - 1	10,07	1	
5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	3 - ≥ 5	0,75 - 1	27,31	1	
b	Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng						
				2,25-3	70%	2,75	
1	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kWh/ người/ năm	400- ≥ 1000	0,75 - 1	583,38	0,75	
2	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng	%	90 - ≥ 95	0,75 - 1	96	1	
3	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng	%	50 - ≥ 70	0,75 - 1	97	1	
c	Các tiêu chuẩn về cấp nước						
				1,5-2		2	
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	Lít/người/n g.đêm	100 - ≥ 120	0,75 - 1	120	1	

2	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	90 - \geq 95	0,75 - 1	95	1	
d	Các tiêu chuẩn đánh giá về viễn thông, công nghệ thông tin			2,25-3		2,5	
1	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	Thuê bao/ 100dân	75-100	0,75 - 1	80	0,75	
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang (%)	%	65 - 100	0,75 - 1	85	0,75	
3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	25 - \geq 60	0,75 - 1	61	1	
V.3	Về vệ sinh môi trường			10,5-14		11	
a	Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước và chống ngập úng			2,25-3		3	
1	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/ Km ²	3 - \geq 3,5	1,5 - 2	5,4	2	
2	Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục	%	10- \geq 20	0,75 - 1	30	1	
b	Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải			3,75-5		4,5	
1	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	15- \geq 30	1,5-2	30	2	
2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	70 - \geq 85	0,75 - 1	70	0,75	

3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	80 - ≥90	0,75 - 1	83,57	0,75	
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	65 - ≥ 70	0,75 - 1	83,57	1	
c	Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ và hỏa táng						
1	Nhà tang lễ	Cơ sở	1-≥2	0,75 - 1	Chưa có	0	
2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	5-≥10	0,75 - 1	Không đáng kể	0	
d	Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị						
1	Đất cây xanh toàn đô thị	m ² / người	6- ≥ 8	1,5 - 2	11,5	2	
2	Đất cây xanh công cộng	m ² / người	4- ≥ 5	1,5 - 2	4,71	1,5	
V.4	Về kiến trúc cảnh quan đô thị						
1	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	75% các phương, tiện giao thông thực hiện tốt quy chế- 100% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế		1,5 - 2	75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế	1,5	
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	30 - ≥ 40	1,5 - 2	40	2	
3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	Dự án	1-≥2	1,5 - 2	2	2	
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	khu	2-≥4	1,5 - 2	4	2	

	5 Công trình kiến trúc tiêu biểu	Có 01 công trình là di tích cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh hoặc công trình kiến trúc loại I hoặc loại II được cơ quan có thẩm quyền công nhận - Có 01 công trình là di tích cấp quốc gia đặc biệt	1,5 - 2	6	2	
6	Công trình xanh	Có 01 công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận-Có 02 công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	0,75 - 1	0	0	
7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	khu	1-≥2	0,75-1	1	0,75
V.5	Nhóm tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị		9-12		9,75	
a	Hạ tầng xã hội		3-4		3,75	
1	Trường học	%	50- ≥80	0,75 - 1	100	1
2	Cơ sở vật chất văn hóa	%	50 ≥80	0,75 - 1	100	1
3	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	%	50- ≥80	0,75 - 1	100	1

4	Nhà ở dân cư	%	80- ≥100	0,75 - 1	90	0,75	
b	Hạ tầng kỹ thuật			3-4		4	
1	Giao thông	%	40- ≥70	1,5 - 2	71,43	2	
2	Điện	%	60- ≥80	0,75 - 1	100	1	
3	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	%	40- ≥70	0,75 - 1	99,3	1	
c	Vệ sinh môi trường			0,75 - 1		1	
	Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	%	60- ≥80	0,75 - 1	100	1	
d	Kiến trúc, cảnh quan			0,75 - 1		1	
	Quy hoạch nông nghiệp, vùng cảnh quan sinh thái được phục hồi, bảo vệ	(%)	50- >60	0,75 - 1	> 70	1	
	Tổng điểm				75- 100	86,5	